

Bản án số: 380/2021/DS-PT

Ngày: 27-10-2021

V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lan Anh**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Viết Văn**

Bà **Trần Thị Liên Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hương** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mai Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 636/2020/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”,

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TT3, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 217/2021/QĐ -PT ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **ĐVD1**, sinh năm 1964; *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn 3, xã HB2, huyện TT3, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ1: Ông **LMC4**, sinh năm 1988, nhân viên Công ty Luật TNHH TGS, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 5, ngách 24, ngõ 01, đường Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (*Văn bản ủy quyền ngày 31/7/2020*). *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ1: Luật sư **Nguyễn Đức Hùng** - Công ty Luật TNHH TGS, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

Bị đơn: Ông **ĐVQ5**, sinh năm 1974; *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn 3, xã HB2, huyện TT3, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **ĐVT6**, sinh năm 1959 (anh trai ông Đ1);

2. Bà **NTT7**, sinh năm 1961 (vợ của ông Đ1); *Có mặt.*

3. Bà **ĐTC8**, sinh năm 1957 (chị gái ông Đ1); .

4. Bà **ĐTM9**, sinh năm 1962(chị gái ông Đ1);

5. Bà **ĐTL10**, sinh năm 1966 (em gái ông Đ1);

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T6, bà T7, bà C8, bà M9, bà L10 là: Ông ĐVD1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn 3, xã HB2, huyện TT3, thành phố Hà Nội. Theo Giấy uỷ quyền ngày 27/3/2019; ngày 03/5/2019. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà C8, bà M9, bà L10: Anh ĐDT11, sinh năm 1995. Theo Giấy uỷ quyền ngày 06/5/2021. Địa chỉ: Số 5, ngách 24, ngõ 01, đường Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Có mặt.

6. Anh **ĐVT12**, sinh năm 1990; *Vắng mặt.*

7. Bà **ĐTQ13**, sinh năm 1972 (chị gái ông Quyền);

8. Bà **ĐTQ14**, sinh năm 1977; (em gái ông Quyền);

9. Chị **ĐTL15**, sinh năm 1982(em gái ông Quyền);.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Q13, bà Q14, chị L15 là: Ông ĐVQ5, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn 3, xã HB2, huyện TT3, thành phố Hà Nội. Theo Giấy uỷ quyền ngày 19/3/2019. Có mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn là ông ĐVD1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn ông ĐVD1 trình bày:

Năm 1964 cha ông là ĐVC16 có kê khai thửa đất 683 diện tích 1.600m² tại thôn 5, xã HB2, huyện TT3 Hà Nội. Năm 1975 anh trai ông là ĐVT6 đứng tên kê khai tại sổ mục kê quyền số 3. Khi cha mẹ ông còn sống đã cho ông Đỗ Văn Minh là cháu gọi cha ông bằng chú ruột một phần để ở, sau khi cha mẹ ông chết thì anh chị em ông đã thống nhất chia cho hai anh em trai là ĐVT6 và ông mỗi người một phần để sử dụng. Trong đó phần của ông có tứ cận thể hiện trên bản đồ hiện tại là thửa 146, diện tích 516m² và thửa 148, diện tích 255m².

Năm 1996, chị gái ông là ĐTM9 không có chỗ ở nên ông đã cho bà ở nhờ 01 phần trên thửa số 148, bà M9 đã xây dựng nhà và ở từ đó đến nay. Phần còn lại thửa 146 và 148 gia đình ông vẫn sử dụng trồng cây cối trong khuôn viên đất bố mẹ ông để lại. Gần đây khi được xem sổ địa chính ông mới biết từ năm 2001 phần đất của ông đã bị tách thành 02 thửa, thửa 146 diện tích 516m² đứng tên ông, thửa 148, diện tích 255m² lại đứng tên ông Đỗ Văn Miên (đã chết là cha của anh Quyền). Sau khi phát hiện ông đã làm đơn yêu cầu đính chính lại tên người sử dụng xong tại các buổi hòa giải ở UBND xã HB2 ông Quyền lại cho rằng năm 1982 ông đã bán toàn bộ thửa đất trên cho ông Miên và có tình cản trở không cho ông đính chính sang tên và nhằm chiếm đoạt thửa đất.

Vì vậy ông làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thừa đất số 148, diện tích 255m² tại thôn 5, xã HB2 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông và buộc ông Quyền chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của ông.

Tại các biên bản lấy lời khai và hòa giải của bị đơn là anh ĐVQ5 trình bày: Nguồn gốc thừa đất số 683 là của cụ C16 để lại, theo anh được biết thì cụ C16 đã chia cho 03 người con mỗi người 01 phần, phần của bà C8 thì bán cho ông Minh, phần của ông Đ1 thì bán cho bố anh, còn phần của ông T6 đang ở. Bố anh phải bán bộ khẩu súng hơi để mua và ông Đ1 đã lấy tiền đó mua xe đạp đi thồ sắn, gia đình anh đã sử dụng ổn định từ năm 1982 đến nay, bà M9 có lên hỏi xin ở nhờ nhưng bố ông không cho, sau khi mẹ anh mất bố anh đi vào Nam chơi còn anh đi công tác ngoài Hà Nội không có ai ở nhà trông coi, bà M9 đã tự ý đến xây dựng nhà và ở, sau khi bố anh về biết đã làm đơn đề nghị thôn xã giải quyết nhưng không giải quyết được. Vì thương cô nên bố anh và anh vẫn để cho cô ở nhờ và thâm tâm bố con anh cũng muốn cho bà M9 nhưng phải thực tế là của mình cho. Nay ông Đ1 cố tình đòi lại để bán đi không nghĩ gì đến anh em, họ hàng nên anh không đồng ý. Trước khi bố anh mất có di chúc để lại cho anh là phần đất đó đã mua từ năm 1982 anh không đồng ý trả lại cho ông Đ1.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông ĐVT6 trình bày: Nguồn gốc thừa đất trên là của bố mẹ ông là ĐVC16 và Phùng Thị Cấp để lại, diện tích cụ thể bao nhiêu ông không rõ. Khi bố ông còn sống đã cho ông Đỗ Văn Minh là anh con ông bác ruột một phần. Cụ Cấp mất năm 1972, cụ C16 mất năm 1979, sau khi mất các cụ để lại toàn bộ thừa đất trên cho ông, ông đã đứng lên kê khai và làm các thủ tục liên quan đến thừa đất trên và vào khoảng trước năm 1990 ông đã chia đất cho ông Đ1 một phần. Sau đó ông chỉ kê khai phần đất của ông còn phần đất bố ông đã cho ông Minh và phần ông đã phân chia cho ông Đ1 ông không kê khai, sau đó ông đã được cấp GCNQSDĐ. Còn phần đất giữa ông Đ1, ông Miên tách làm hai thửa thì việc mua bán, đổi chác như thế nào ông không biết, ông có nghe nói bố ông và cụ Miên (bố anh Quyền) có từng đổi thửa đất (đang tranh chấp) cho nhau. Cụ Miên có 01 chiếc xe đạp đổi cho cụ C16 để lấy thửa đất hai bên không lập giấy tờ gì, việc này ông không biết thực hư như thế nào, vì ông chỉ nghe nói không được chứng kiến. Hiện tại bà ĐTM9 là em gái ông đang ở thửa đất trên. Ông không có ý kiến gì về thừa kế và việc các cụ đã cho và phân chia, ông đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật và ông đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông ĐVD1.

Bà ĐTM9 và anh ĐVT12 trình bày: Năm 1996 gia đình bà bị nhà nước thu hồi đất làm đường (đại lộ Thăng Long) không còn chỗ ở nên về xây dựng nhà ở nhờ phần đất. Lúc thì bà trình bày hỏi mượn ông Đ1, lúc lại trình bày hỏi nhờ ông Miên và ông T6, (bà cho rằng bị áp lực của các bên nên không có quan

điểm rõ ràng). Bà và anh không nắm rõ nguồn gốc đất và không biết ý kiến như thế nào về việc trên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và ủy quyền tham gia tố tụng cho ông ĐVĐ1.

Đại diện của những người liên quan bà ĐTQ13, bà ĐTQ14, chị ĐTL15 là ông ĐVQ5 trình bày như ý kiến của ông Quyền đã trình bày như trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TT3, thành phố Hà Nội đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông ĐVĐ1 về việc đề nghị Tòa công nhận thửa đất số 148, diện tích 255m² tại thôn 5, xã HB2, huyện TT3, Hà Nội là quyền sử dụng hợp pháp của ông và việc yêu cầu anh Quyền chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng thửa đất nêu trên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm: ông ĐVĐ1 xuất trình lý lịch tự thuật của ông Đ1; biên bản họp gia đình với sự tham gia của hàng thừa kế thứ nhất của ĐVC16 và cụ Phùng Thị Cấp gồm có bà ĐTC8, ĐTM9, ĐVT6, ĐVĐ1 có sự chứng kiến của Thừa phát lại quận Hà Đông nội dung biên bản: xác định nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, quan điểm giải quyết vụ án..... (Đồng ý đề nghị Tòa án công nhận thửa đất số 148, diện tích 255m² tại thôn 5, xã HB2, huyện TT3, Hà Nội là quyền sử dụng hợp pháp của ông Đ1).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa công nhận thửa đất số 148, diện tích 255m² tại thôn 5, xã HB2, huyện TT3, Hà Nội là quyền sử dụng hợp pháp của ông và yêu cầu ông Quyền chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan phía bị đơn giữ nguyên lời khai tại cấp sơ thẩm và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn trình bày: Ông ĐVC16 (mất năm 1972) và bà Phùng Thị Cấp (mất năm 1979) sinh được 5 người con là ông ĐVĐ1; ông ĐVT6, bà ĐTL10, bà ĐTC8, bà ĐTM9 ngoài ra không có con nuôi con đẻ nào khác, khi mất bố mẹ các ông bà để lại di sản là khoảng hơn 2.300m² đất thuộc thửa số 683 tại thôn 5 xã HB2, TT3 nhưng không để lại di chúc. Hiện nay thửa đất đã tách thành 4 thửa: Thửa 145 diện tích 601m² tên ông Minh, thửa 146 diện tích 516m² tên ông Đ1; thửa 147 diện tích 1.025 tên ông T6; thửa 148 tên ông Đỗ Văn Miên bố ông Quyền.

Hiện tại các thửa 145,146,147 các bên không có tranh chấp gì. Thửa 145 ông Cuốn cho ông Minh một phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa 146 cho ông T6, ông T6 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần còn lại ông Đ1, ông T6, bà M9, bà L10, bà C8 thống nhất cho ông ông

Đ1. Năm 2001 ông Đ1 kê khai thửa 147 diện tích 516m², còn đối với thửa 148 kê khai tên ông Đỗ Văn Miên là em trai ông ĐVC16. Ông T6, ông Đ1, bà C8, bà M9, bà L10 không chấp nhận. Lý do không chấp nhận vì phần đất này mấy anh chị em vẫn sử dụng liên tục không có biến động, bà M9 đã xây nhà cấp 4 trên hai thửa 146, 148 từ năm 1996 cho đến nay, ông Đ1 cũng chưa từng bán cho cụ Miên không hiểu lý do gì mà lại đứng tên Đỗ Văn Miên. Sau khi phát hiện ra thửa này tên kê khai là cụ Đỗ Văn Miên bố ông Quyền các bên đã xảy ra tranh chấp.

Nay ông T6, bà C8, bà M9, bà L10 thống nhất xác nhận bố mẹ các ông bà chết không để lại di chúc, các anh em đã họp và thống nhất chia mảnh đất của ông bà cho ông Đ1 và ông T6. Hiện ông T6 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần đất còn lại là thửa 146 và thửa 148 cho ông Đ1. Và đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho ông ĐVĐ1 được công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất nêu trên.

Ngoài ra các ông bà cũng thỏa thuận bà M9 được tiếp tục ở nhờ trên thửa đất số 148 là tôn trọng quyền sử dụng hợp pháp của ông Đ1, không tranh chấp khiếu kiện.

Các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn sửa Bản án sơ thẩm số 24/2020/DSST ngày 30/9/2020 của TAND huyện TT3, thành phố Hà Nội theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông ĐVĐ1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông ĐVĐ1 nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa: có mặt nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của người có quyền và nghĩa vụ có liên quan có mặt. Một số người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:* xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông ĐVĐ1 đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Theo ông ĐVĐ1 trình bày nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông ĐVC16 là bố đẻ của ông Đ1.

Ông ĐVQ5 trình bày nguồn gốc đất tranh chấp đúng là đất của ông ĐVC16 bố đẻ ông Đ1. Tuy nhiên, bố ông là Đỗ Văn Miên đã mua lại mảnh đất này của ông Đ1 vào khoảng những năm 1982, thỏa thuận mua bán bằng miệng, không có giấy tờ, không trình báo chính quyền địa phương. Năm 2001 UBND xã HB2 đã đo đạc phân diện tích và xác định người kê khai tên của bố ông là Đỗ Văn Miên.

Khi phát hiện ông Miên đứng tên thửa đất này các bên đã xảy ra tranh chấp việc tranh chấp kéo dài từ thời điểm ông Miên còn sống, sau này là ông ĐVQ5 con trai ông Miên. Các bên đã hòa giải nhiều lần tại UBND xã HB2 nhưng không có kết quả.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông ĐVC16 (mất năm 1972) và bà Phùng Thị Cấp (mất năm 1979) là bố mẹ đẻ ông ĐVĐ1. Sinh thời ông Cuốn và bà Cấp sinh được năm người con gồm ông ĐVT6, sinh năm 1951; bà ĐTC8, sinh năm 1957; bà ĐTM9, sinh năm 1962; ông ĐVĐ1, sinh năm 1964; bà ĐTL10, sinh năm 1966, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác.

Theo ông Đ1, ông T6, bà L10, bà C8, bà M9 trình bày: khi bố mẹ các ông bà mất để lại di sản là khoảng hơn 2.300m² đất thuộc thửa số 683 tại thôn 5 xã HB2, TT3 nhưng không để lại di chúc. Đến năm 1990 mấy anh chị em đã họp bàn và thống nhất bằng miệng phân chia di sản thừa kế như sau: một phần cho ông ĐVT6; phần còn lại cho ông ĐVĐ1; (một phần đã cho ông Đỗ Văn Minh). Các bên đã thực hiện theo thỏa thuận miệng và không có tranh chấp gì về việc phân chia.

Hiện nay thửa đất đã tách thành 4 thửa: Thửa 145 diện tích 601m² tên ông Minh, thửa 146 diện tích 516m² tên ông Đ1; thửa 147 diện tích 1.025m² tên ông T6; thửa 148 tên ông Đỗ Văn Miên bố ông Quyền.

Đối với thửa 145, 146, 147 các bên không có tranh chấp gì. Thửa 145 ông Cuốn cho ông Minh một phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa 146 cho ông T6 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần còn lại ông Đ1, ông T6, bà M9, bà L10, bà C8 vẫn thống nhất cho ông ông Đ1. Năm 2001 ông Đ1 kê khai thửa 147 diện tích 516m², còn đối với thửa 148 kê khai tên ông Đỗ Văn Miên là em trai ông ĐVC16. Ông T6, ông Đ1, bà C8, bà M9, bà L10 không đồng ý vì phần đất này mấy anh chị em vẫn sử dụng liên tục không có biến động, bà M9 đã xây nhà cấp 4 trên hai thửa 146, 148 từ năm 1996 cho đến nay, ông Đ1 cũng chưa từng bán cho ông Miên không hiểu lý do gì mà lại đứng tên ông Đỗ Văn Miên. Sau khi phát hiện ra thửa này tên kê khai là ông Đỗ Văn Miên bố ông Quyền các bên đã xảy ra tranh chấp.

Nay ông T6, bà C8, bà M9, bà L10 thống nhất xác nhận bố mẹ các ông bà chết không để lại di chúc, các anh em đã họp và thống nhất chia mảnh đất của ông bà cho ông Đ1 và ông T6. Hiện ông T6 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần đất còn lại là thửa 146 và thửa 148 cho ông Đ1. Và đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất nêu trên cho ông ĐVĐ1.

Ngoài ra các ông bà cũng thỏa thuận cho bà M9 được tiếp tục ở nhờ trên thửa đất số 148 là tôn trọng quyền sử dụng hợp pháp của ông Đ1, không tranh chấp khiếu kiện.

Theo tài liệu UBND xã HB2 cung cấp thì nguồn gốc phần đất tranh chấp như sau:

Tờ bản đồ xanh năm 1960 và sổ mục kê 1964 thửa đất đang tranh chấp là một phần diện tích nằm trong thửa đất 683, thôn 5, xã HB2, TT3, Hà Nội. Các thửa 683, 684, 685 trong sổ mục kê năm 1964 ban đầu đứng tên bà Nguyễn Thị Loan, riêng thửa 683 lại gạch tên bà Loan và thay vào tên là Cuốn. Không biết ai là người sửa vào thời điểm nào không ghi chú và giải thích. Năm 1978 không ai kê khai thửa đất nói trên. Năm 2001 thực hiện đo đạc và số hóa bản đồ thửa 683 chia 4 thửa như các đương sự trình bày. Khi đo vẽ có ông Đ1, ông Miên và trưởng thôn ký xác nhận mốc giới. Việc mua bán giữa các bên xã không nắm được. Quá trình sử dụng thửa đất trên ông Đ1 và Quyền không có công trình kiến trúc, cây cối có giá trị mà chỉ có công trình của bà M9 xây năm 1994 trên cả hai thửa đất 146 và 148. Bà M9 và anh Tân con bà M9 cùng ông Đ1, ông Tường, ông Quyền đều thừa nhận các công trình bà M9 xây dựng khi xây dựng bà M9 đã xin phép anh cả là ĐVT6 và ông ĐVĐ1 hiện trạng như thẩm định.

Theo lời khai của ông Đỗ Văn Huê là con đẻ của bà Nguyễn Thị Loan:

Về nguồn gốc thửa đất 148 diện tích 255m² thôn HB2, TT3, Hà Nội là một phần đất tại thửa 683. Theo sổ mục kê năm 1964 ban đầu đứng tên bà Nguyễn Thị Loan (chị dâu ông Cuốn) sau gạch thay bằng tên Cuốn. Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của ông Đỗ Văn Huê là con đẻ của bà Loan trình bày ông nội ông là Đỗ Văn Thọ có chia cho ông Tư (bố ông Huê) và ông Cuốn bố ông Đ1 mỗi người một phần đất. Phần của ông Cuốn là phần hiện ông T6, bà M9 đang ở và phần diện tích đất đang tranh chấp; phần đất ông Huê được chia hiện ông đang ở không ai tranh chấp gì. Năm 1956 ông Tư mất thì mẹ ông Huê là bà Nguyễn Thị Loan đứng tên phần đất bố ông Huê được chia. Phần của ông Cuốn thì ông Cuốn đứng tên. Về việc sổ mục kê năm 1964 thửa đất 683 phần ông Cuốn được chia lại đứng tên bà Loan sau sửa thành Cuốn việc này ông Huê không biết nhưng ông khẳng định mẹ ông và gia đình ông không có quyền sử dụng đối với diện tích đất tại thửa 683. Theo ông Huê việc ông Cuốn đứng tên chủ sử dụng đối với thửa đất

số 683 theo sổ mục kê năm 1964 là đúng vì thực tế thửa này thuộc phần đất cụ Thọ chia cho ông Cuốn sử dụng.

Việc sau này ông Đ1 và ông Miên có mua bán chuyển nhượng phần đất nào hay không ông không chứng kiến mà chỉ nghe ông Miên nói lại lúc ông Đ1 khó khăn đã bán lại phần đất đang tranh chấp cho ông Miên không giấy tờ gì.

Lời khai của ông ĐVQ5 tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm đều thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ C16 sau này ông Đ1 đã bán lại phần đất này cho ông Miên là bố đẻ anh, mua bán thỏa thuận miệng không giấy tờ thời điểm nào không biết, bố con ông Quyền cũng không có công trình xây dựng hay trồng cây trên mảnh đất này.

Ông ĐVĐ1 thì khẳng định chưa bao giờ bán đất cho ông Miên, khi ông phát hiện ra ông Miên kê khai phần đất tranh chấp nên ông đã có đơn gửi chính quyền giải quyết nhưng không có kết quả vì vậy mới khởi kiện tại Tòa án.

Tại cấp phúc thẩm, ông Đ1 cung cấp lý lịch tự thuật; ông T6, bà L10, bà M9, bà C8, ông Đ1 đã cung cấp biên bản họp gia đình, lời khai về nguồn gốc thửa đất, quá trình sử dụng, biến động thửa đất phù hợp với tài liệu thu thập có trong hồ sơ, lời khai đương sự, người làm chứng. Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở xác định nguồn gốc đất tranh chấp là thửa đất 148 diện tích 255m² thôn HB2, TT3, Hà Nội là một phần đất tại thửa 683 là của ông ĐVC16 và bà Phùng Thị Cấp bố mẹ đẻ ông ĐVĐ1 cùng các đồng thừa kế khác. Các đồng thừa kế đều xác nhận cho ông ĐVĐ1 toàn quyền sử dụng đối với thửa đất số 146 diện tích 516m² và thửa 148 có diện tích 255m² theo bản đồ địa chính 2001.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải sửa bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của ông ĐVĐ1, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ1 công nhận ông ĐVĐ1 có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 148 tại thôn 5 HB2, huyện TT3, Hà Nội. Buộc ông ĐVQ5 phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng hợp pháp của ông ĐVĐ1 đối với thửa đất này.

Về việc ông Đ1, ông T6, bà C8, bà M9, bà L10 thỏa thuận để mẹ con bà M9 tiếp tục ở trên đất là thỏa thuận nội bộ gia đình nên không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí: ông ĐVĐ1 không phải chịu án phí sơ thẩm; ông ĐVQ5 phải chịu án phí sơ thẩm;

Vì sửa bản án sơ thẩm, ông ĐVĐ1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai; Điều 163, Điều

164, Điều 165, Điều 169, Điều 612, Điều 613 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông ĐVĐ1.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện TT3, thành phố Hà Nội như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông ĐVĐ1 về việc công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với 255m² tại thửa đất số 148, thôn 5 xã HB2, huyện TT3, Hà Nội.

- Xác nhận ông ĐVĐ1 được quyền sử dụng diện tích 255m² tại thửa đất số 148, thôn 5 xã HB2, huyện TT3, thành phố Hà Nội.

- Buộc ông ĐVQ5 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng hợp pháp của ông ĐVĐ1 đối với thửa đất số 148 tại thôn 5, xã HB2, huyện TT3, thành phố Hà Nội.

- Ông ĐVĐ1 có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông ĐVĐ1 không phải chịu án phí sơ thẩm. Ông Đ1 được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001103 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT3, Hà Nội.

Ông ĐVQ5 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Án phí dân sự phúc thẩm;

Ông ĐVĐ1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Đ1 được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0011660 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án huyện TT3, Hà Nội.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện TT3;
- Chi cục THADS huyện TT3;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Anh

